Kiểm tra an toàn xe nâng. Phiên bản 1.4

Thông tin biểu mẫu

Mã biểu mẫu	forklift-safety-audit
Phiên bản	v1.0
Ngôn ngữ	Tiếng Việt (vi)
Số hạng mục kiểm tra	34
Nguồn	https://layeraudit.com
Ngày sửa đổi	2026-10-27
Mô tả	Mô tả: I C L Safety & Trining

Thông tin kiểm tra (điền trong quá trình kiểm tra)

Ngày kiểm tra	
Kiểm tra viên	
Khu vực / Bộ phận	
Người hướng dẫn	

Hướng dẫn

1. Biểu mẫu này chứa 34 hạng mục kiểm tra. Ghi kết quả vào trang tính 'Danh sách kiểm tra'.
2. Nguồn không quy định các lựa chọn Đạt/Không đạt cố định. Điền kết quả theo tiêu chí của đơn vị (ví dụ: Đạt / Không đạt / Không áp dụng).
3. Điểm số, kết luận và chữ ký được nhập thủ công tại trang tính 'Chấm điểm và Ký kết'.
4. Đối với ảnh hoặc bằng chứng khác, nhập số bằng chứng vào cột 'Ghi chú / Số bằng chứng' và lưu trữ ảnh theo số.
5. Số hạng mục kiểm tra được đánh số lại liên tục. Ánh xạ với các dòng nguồn được ghi trong '编号对应表.xlsx' trong gói bàn giao.

Kiểm tra an toàn xe nâng. Phiên bản 1.4 — Danh sách kiểm tra

STT.	Mục / Phần	Hạng mục kiểm tra	Kết quả	Ghi chú / Số bằng chứng
1	Thông tin an toàn người vận hành	Người vận hành đã được đào tạo hoặc cập nhật trong ba năm qua chưa?		
2	Thông tin an toàn người vận hành	Trong hồ sơ đào tạo của người vận hành có bản sao chứng chỉ không?		
3	Thông tin an toàn người vận hành	Người vận hành đã ký giấy phép vận hành, có hiệu lực làm mới hằng năm chưa?		
4	Thông tin an toàn người vận hành	Người vận hành có nắm được quy trình báo cáo sự cố đúng quy định không?		
5	Thông tin an toàn người vận hành	Đã kiểm tra hồ sơ chứng chỉ và giấy phép vận hành của người vận hành chưa?		
	Thông tin an toàn người vận hành	Ngày tham dự đào tạo hoặc khóa cập nhật?		
	Thông tin an toàn người vận hành	Ngày cấp giấy phép bằng văn bản của công ty?		
6	Thông tin xe	Loại xe?		
	Thông tin xe	Hãng sản xuất?		
	Thông tin xe	Mẫu xe?		
	Thông tin xe	Số sê-ri?		
	Thông tin xe	Tải trọng?		
7	Thông tin xe	Nguồn động lực?		
	Thông tin xe	Phụ kiện?		
8	Kiểm tra bằng mắt	Bảng thông tin an toàn có được gắn chắc chắn và còn đọc rõ không?		
9	Kiểm tra bằng mắt	Thiết bị xử lý hàng tải (chân càng, bộ kẹp, v.v.)?		
10	Kiểm tra bằng mắt	Tấm chắn lưng?		
11	Kiểm tra bằng mắt	Khung nâng?		
12	Kiểm tra bằng mắt	Con lăn và ống trượt của khung nâng?		
13	Kiểm tra bằng mắt	Xích nâng?		
14	Kiểm tra bằng mắt	Ròng rọng xích?		
15	Kiểm tra bằng mắt	Xi-lanh thuỷ lực?		
16	Kiểm tra bằng mắt	Cáp thuỷ lực?		
17	Kiểm tra bằng mắt	Bánh xe?		
18	Kiểm tra bằng mắt	Lốp xe?		
19	Kiểm tra bằng mắt	Tình trạng bên ngoài toàn bộ xe?		
20	Kiểm tra bằng mắt	Đối trọng?		
21	Kiểm tra bằng mắt	Chìa khóa đã được rút ra khi xe nâng không được sử dụng chưa?		
22	Kiểm tra bằng mắt	Tư thế người vận hành?		
23	Kiểm tra bằng mắt	Ghế ngồi và dây giữ người vận hành?		
24	Kiểm tra bằng mắt	Bình LPG (xe chạy bằng LPG)?		
25	Kiểm tra an toàn vận hành	Quy trình khởi động (xe động cơ)?		
26	Kiểm tra an toàn vận hành	Quy trình khởi động (xe điện)?		
27	Kiểm tra an toàn vận hành	Quy trình khởi động (xe LPG)?		
28	Kiểm tra an toàn vận hành	Đèn?		
29	Kiểm tra an toàn vận hành	Hệ thống cảnh báo âm thanh?		
30	Kiểm tra an toàn vận hành	Tất cả các hệ thống thuỷ lực?		
31	Kiểm tra an toàn vận hành	Vận hành lái xe (không có khoảng chơi trong cơ cấu lái)?		
32	Kiểm tra an toàn vận hành	Hoạt động của phanh chân?		
33	Kiểm tra an toàn vận hành	Hoạt động của phanh đỗ xe?		
34	Kiểm tra an toàn vận hành	Xe nâng có ở trong tình trạng vận hành an toàn không?		

Kiểm tra an toàn xe nâng. Phiên bản 1.4 — Chấm điểm và Ký kết

Ký kết

Chữ ký người vận hành.	
Chữ ký cán bộ an toàn.	